|  |  |
| --- | --- |
|  | **Hội sở chính**   1. Lý Tự Trọng, Phường An Phú, Q. Ninh Kiều, TP.Cần Thơ   Tel (84-8) 39979313 Fax: (84-8) 39979312.  Website: [www.westernbank.vn](http://www.westernbank.vn/). Email: welcome@westernbank.vn |
|
|
|
|  | |

**TÓM TẮT ĐỀÁN HỢP NHẤT SƠ BỘ**

## 1. Hiện trạng các tổ chức tín dụng trước hợp nhất

## *1.1 PVFC*

**1.1.1 Tình hình tài chính**

Xét về mặt giá trị tuyệt đối, tổng tài sản của PVFC liên tục tăng trong những năm qua với mức tăng năm sau cao hơn năm trước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, tổng tài sản của PVFC là 88.807 tỷ đồng, tăng mạnh 34,04% so với năm 2010. Đến ngày 29/02/2012, tổng tài sản của PVFC tiếp tục tăng 2,6%, lên 91.037 tỷ đồng. Trong thời gian này, các nguyên nhân thúc đẩy tăng trưởng tổng tài sản chủ yếu là do PVFC đã đẩy mạnh mảng dịch vụ đầu tư sử dụng nguồn vốn của khách hàng và tăng trưởng tín dụng bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư.

***Về hoạt động liên ngân hàng,***PVFC có quan hệ gửi tiền và cho vay đối với các ngân hàng và công ty tài chính có tiềm lực và uy tín như: Standard Chartered Bank, ANZ, UOB, BIDV, MSB, Công ty Tài chính EVN … Chất lượng các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD vì thế luôn được đảm bảo. Trong tổng số 8.322,88 tỷ đồng số dư tại 29/02/2012 chỉ có 36,48 tỷ đồng tiền gửi quá hạn tại Công ty cho thuê tài chính II - NH NN và PTNT Việt Nam (ALC II)

***Về hoạt động tín dụng,*** tổng dư nợ tín dụng tại thời điểm 31/12/2011 của PVFC là 50.180 tỷ đồng (bao gồm: Cho vay TCTD 1.399 tỷ đồng; Cho vay TCKT & cá nhân là 48.781 tỷ đồng), tăng 13.615 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2010 (36.565 tỷ đồng) tương ứng 37,2% (tăng chủ yếu là do ủy thác cho vay tăng trên 10.000 tỷ đồng).Đến thời điểm 29/2/2012, tổng dư nợ tín dụng là 52.610 tỷ đồng (bao gồm: Cho vay TCTD 2.960 tỷ đồng và Cho vay TCKT và cá nhân là 49.914 tỷ đồng), tăng 4,84% so với thời điểm 31/12/2011, trong đó chủ yếu là tăng cho vay các TCTD. Trong cơ cấu dư nợ tín dụng, cho vay trong ngành dầu khí chiếm trên 60% tổng dư nợ. Chất lượng tín dụng của nhóm khách hàng này được đảm bảo.

Chính sách cho vay thận trọng cũng giúp PVFC có tỉ lệ nợ xấu khá thấp. Tại thời điểm 31/12/2011, tỉ lệ nợ xấu của PVFC chỉ ở mức 2,06%, cao hơn mức 1,94% của năm 2010 nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu định hướng 3% của NHNN.

| **Dư nợ** | **31/12/2011** | | **29/02/2012** | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giá trị** | **Tỷ lệ** | **Giá trị** | **Tỷ lệ** |
| Nhóm 1 | 46.505,44 | 92,68% | 46.684,14 | 88,74% |
| Nhóm 2 | 1.240,58 | 2,47% | 1.980,77 | 3,76% |
| Nhóm 3 - 5 | 1.032,84 | 2,06% | 1.013,91 | 1,93% |
| **Tổng dư nợ tín dụng** | **50.179,82** | **100,00%** | **52.610,49** | **100,00%** |

Trong hoạt động tín dụng của PVFC có 2 hạng mục cần lưu ý: các khoản tín dụng liên quan đến Vinashin và các khoản cho vay Vinalines. Do biến động không thuận lợi của thị trường vận tải thế giới, hai khách hàng này rơi vào trạng thái khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ. Dư nợ (gốc) tại thời điểm 31/5/2012 của nhóm khách hàng Vinashin là 1.068 tỷ đồng và của nhóm khách hàng Vinalines là 1.745 tỷ đồng. Việc xử lý hai khoản nợ xấu này đã và đang được PVFC thực hiện triệt để bằng cách kết hợp các biện pháp như: tích cực thu hồi nợ, xử lý tài sản đảm bảo và sử dụng nguồn quỹ dự phòng để trích lập dự phòng bổ sung. Ngoài ra, PVFC cũng dự kiến sử dụng một phần lợi nhuận trong năm 2012 để bù đắp các tổn thất do hai khoản nợ này gây ra (nếu có).

***Về hoạt động đầu tư***, trong những năm qua, hoạt động đầu tư tại PVFC được định hướng giảm nhằm tập trung cơ cấu lại và nâng cao chất lượng danh mục.

Đến 29/2/2012, dư nợ đầu tư tại PVFC đã có cơ cấu khá hiệu quả trong giai đoạn hiện tại khi giảm thiểu tỷ trọng đầu tư trực tiếp và tăng cường tỷ trọng đầu tư trái phiếu và các dịch vụ đầu tư; các khoản đầu tư trực tiếp chủ yếu là các cổ phiếu đã niêm yết và trong ngành dầu khí.

Do đặc thù của công ty tài chính, PVFC sử dụng nhiều nguồn vốn khác nhau để thực hiện đầu tư góp vốn, mua cổ phần; trong đó có nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức kinh tế (phần lớn là từ PVN và các công ty liên quan). Đây cũng là một trong những nhiệm vụ đặc trưng của PVFC. Tỷ lệ đầu tư góp vốn, mua cổ phần vẫn được duy trì dưới mức giới hạn mà NHNN quy định là 60% vốn tự có của TCTD. Tuy nhiên, trong trường hợp chuyển đổi thành công thành ngân hàng thương mại, PVFC sẽ phải chủ động giảm tỷ trọng đầu tư góp vốn, mua cổ phần xuống thấp hơn nữa mới đảm bảo yêu cầu của NHNN.

Do những biến động không thuận lợi của thị trường, hoạt động đầu tư của PVFC chưa đạt kết quả như mong đợi và chịu lỗ 439 tỷ đồng trong năm 2011. Đây là kết quả lỗ năm thứ 2 liên tiếp kể từ năm 2010. Cũng chính vì lý do này mà PVFC đã chủ động giảm danh mục đầu tư trực tiếp trong các năm vừa qua.

***Về hiệu quả hoạt động***, nhìn chung, so với các Ngân hàng có cùng quy mô và tính chất hoạt động, ROA và ROE của PVFC đang ở mức khá thấp. ROA của PVFC là 0,62% thấp hơn so với mức bình quân toàn ngành là 1,19% trong khi đó ROE là 6,96% thấp hơn nhiều so với ROE của toàn ngành là 20,38%.

***Về khả năng thanh khoản và các chỉ số đảm bảo tài chính***

#### Khả năng thanh khoản

Hiện nay, PVFC luôn có trạng thái thanh khoản tốt, cân đối thu chi hàng tháng thường dương và được đưa vào thành các hạng mục tài sản có khả năng thanh khoản nhanh. Dưới đây là bảng tổng hợp cân đối dòng tiền trong thời gian còn lại của năm 2012 như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: tỷ VND* | | |
| **Quy đổi VND** | **Tháng 6** | **Tháng 7** | **Tháng 8** | **Tháng 9** | **Tháng 10** | **Tháng 11** | **Tháng 12** |
| **Trạng thái tiền ròng** | 1.306 | 1.122 | 1.094 | 57 | 962 | (472) | 281 |
| **Lũy kế** | 1.306 | 2.428 | 3.522 | 3.578 | 4.540 | 4.068 | 4.349 |

Ngoài ra, PVFC đang đầu tư vào danh mục tài sản có tính thanh khoản nhanh là Trái phiếu Chính phủ, Tín phiếu NHNN, Tín phiếu kho bạc với giá trị xấp xỉ 2.046,56tỷ đồng. Với khoản mục tài sản này, trạng thái thanh khoản của PVFC còn tốt hơn nữa khi luôn dự phòng sẵn một lượng tài sản thanh khoản nhanh có giá trị tối thiểu 3.400 tỷ đồng tại tháng 6/2012 và tăng lên gần 7.500 tỷ đồng vào cuối năm 2012

#### Các chỉ tiêu an toàn tài chính

Tại PVFC, các chỉ tiêu tài chính luôn được đảm bảo và an toàn hơn theo quy định của Pháp luật, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Các tỉ lệ đảm bảo an toàn** | **Giới hạn của NHNN** | **PVFC** | |
| **31/12/2011** | **29/02/2012** |
| - Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu CAR | >= 8% | 10,30% | 9,42% |
| - Tỷ lệ Nguồn vốn ngắn hạn để cho vay trung dài hạn | <= 30% | 23,21% | 22,67% |
| - Tỷ lệ chi trả ngày hôm sau (Chi trả ngay) | ≥ 15 | 39,23% | 23,2% |
| - Tỷ lệ chi trả trả 7 ngày tiếp theo |  |  |  |
| *+ VND* | ≥ 1 | 1,84 | 1,30 |
| +USD | ≥ 1 | 3,35 | 9,29 |

**1.1.2Các mảng hoạt động khác:**

Trong những năm qua, cùng với việc mở rộng quy mô hoạt động, phát triển nhanh trong hoạt động kinh doanh, PVFC cũng dần từng bước nâng cao bộ máy quản trị rủi ro của mình nhằm đảm bảo quá trình hoạt động được an toàn và phòng tránh được rủi ro.

Hệ thống hạ tầng CNTT đầy đủ và có nền tảng tương đối hoàn thiện, hiện đại so với các Ngân hàng hiện tại, có năng lực xử lý cao và hoàn toàn có khả năng sẵn sàng mở rộng thêm khi chuyển đổi mô hình.

Hệ thống ứng dụng nghiệp vụ Core Banking đã đáp ứng được đủ các nghiệp vụ của Công ty tài chính như tín dụng, tiền gửi, tài khoản khách hàng, kế toán, các mảng nghiệp vụ Ngân quỹ (thị trường tiền tệ, ngoại hối, chứng khoán).

Các mảng nghiệp vụ và chức năng phần mềm được triển khai trên phần mềm hiện đại (Nhà cung cấp phần mềm Oracle được đánh giá đứng đầu thế giới về phần mềm ngân hàng).

Tuy nhiên, để đáp ứng mô hình chuyển đổi cần phải bổ sung một số mảng mà NHNN chưa cho phép PVFC thực hiện như dịch vụ thanh toán (hiện PVFC đang tiếp tục tự triển khai trên Corebanking), ATM, Kioskbanking..., cho vay đồng tài trợ (ngân hàng đầu mối) hoặc thanh toán quốc tế.

## *1.2 WesternBank*

**1.1.1 Tình hình tài chính**

* **Theo sổ sách của WTB,** tại thời điểm 29/02/2012, chất lượng tài sản vẫn được đảm bảo và giá trị trích lập dự phòng thấp. Trích lập dự phòng cho các khoản tín dụng chỉ có xấp xỉ 35 tỷ, trong khi trích lập dự phòng cho các tài sản khác gần như không đáng kể. Hệ số đảm bảo an toàn vốn đạt mức cao 23,57%. Tỷ lệ nợ xấu chỉ có 0,66%.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Dư nợ** | **29/02/2012** | |
| **Giá trị** | **Tỷ lệ** |
| Nhóm 1 | 5.673,88 | 98,78% |
| Nhóm 2 | 31,78 | 0,55% |
| Nhóm 3 - 5 | 38,15 | 0,66% |
| **Tổng dư nợ** | **5.743,81** | **100,00%** |

* **Tuy nhiên, theo đánh giá của Thanh tra NHNN**, tình hình tài chính của WTB thực tế có nhiều điểm đáng lưu ý.
* Tiền gửi liên ngân hàng có 1.118 tỷ đã quá hạn tại 4 ngân hàng: Đệ Nhất, Sài Gòn, Việt Nam Tín Nghĩa. Đại Tín và phải trích lập dự phòng 50%, týõng ðýõng 559 tỷ đồng.
* Dư nợ tín dụng có nhiều khoản nằm dưới dạng ủy thác đầu tư và đặt cọc môi giới chứng khoán. Các khoản nợ cũng được Thanh tra NHNN đánh giá phân nhóm lại và trích lập dự phòng bổ sung, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm nợ** | **Tín dụng KH cổ đông** | **UTĐT và Đặt cọc môi giới CK** | **TD KH khác** | **Số dư tại 29/02/2012** | **Tỷ lệ** | **Tổng trích lập** | **Trong đó** | |
| **Trích lập tín dụng** | **Trích lập UTĐT** |
| 1 | 1.430 | 800 | 2.055 | 4.285 | 55,93% | - | - | - |
| 2 | 1.178 | 540 | 32 | 1.750 | 22,84% | 20,99 | 9,57 | 11,42 |
| 3 | 110 | 470 | 13 | 593 | 7,74% | 97,86 | 3,86 | 94,00 |
| 4 | 901 | 108 | 13 | 1.021 | 13,33% | 116,22 | 62,45 | 53,77 |
| 5 | - | - | 12 | 12 | 0,16% | - | - | - |
| 3-5 | 1.011 | 578 | 38 | 1.627 | 21,23% | 214 | 66,32 | 147,77 |
| **Tổng cộng** | **3.620** | **1.918** | **2.125** | **7.662** | **100,00%** | **235,07** | **75,88** | **159,19** |

* Khoản đầu tư vào trái phiếu 1.800 tỷ chưa có tài sản đảm bảo. Khoản đầu tư vào cổ phiếu KBC phải trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán xấp xỉ 88 tỷ đồng.
* Trong mục lãi dự thu có gần 51 tỷ dự thu lãi cho các khoản tiền gửi tại 4 ngân hàng: Đệ Nhất, Sài Gòn, Việt Nam Tín Nghĩa, Đại Tín. Khoản lãi dự thu này phải xuất toán khỏi mục phải thu của WTB.
* Tóm tắt các biến động trong tình hình tài chính của WTB tại 29/2/2012 theo kết quả đánh giá của Thanh tra NHNN như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Chỉ tiêu* | *Trước khi điều chỉnh*  *Tỷ đồng* | *Điều chỉnh theo Kết luận Thanh tra Tỷ đồng* | *Chênh lệch Tỷ đồng* |
| Tổng dự phòng cho vay liên NH | *-* | (559) | (559) |
| Tổng dự phòng rủi ro tín dụng | (35) | (269) | (235) |
| Góp vốn đầu tư dài hạn | 386 | 298 | (88) |
| Lãi dự thu | 595 | 544 | (51) |
| **Tổng tài sản** | **16.598** | **15.667** | **(932)** |
| **Lợi nhuận chưa phân phối** | **201** | **(761)** | **(962)** |
| **Vốn chủ sỡ hữu ròng** | **3.242** | **2.310** | **(932)** |
| **Hệ số CAR** | **23,57** | **17,98** | **(5,59)** |

Như vậy với kết quả trên, tổng tài sản của Ngân hàng giảm từ 16.598 tỷ còn 15.667 tỷ đồng thời gây khoản lỗ lũy kế trên hạch toán kế toán là 761 tỷ tại thời điểm 29/2.

Đồng thời, hệ số CAR của Ngân hàng còn lại là 17,98%, vẫn cao hơn so với mức tối thiểu 9%.

**Về khả năng thanh khoản:**

Trạng thái thanh khoản cuối tháng 2 của WesternBank như sau:

*ĐVT: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khoản mục | Tỷ lệ xác định luồng tiền | Số dư theo sổ sách | Số dự để xác định kỳ hạch toán | Thời gian đến hạn | | | | | |
| Ngày tiếp theo  (ngày 1) | Từ ngày 2 đến ngày thứ 7 | Từ ngày 8 đến ngày thứ 30 | Từ ngày 30 đến ngày thứ 180 | Từ ngày 180 đến ngày thứ 360 | Trên 360 ngày |
| Tổng cộng tài sản Có | A | 10.158 | 8.911 | 3.043 | 165 | 907 | 1.741 | 1.914 | 1.141 |
| Tổng cộng tài sản Nợ | B | 13.318 | 12.771 | 1.255 | 269 | 1.972 | 1.222 | 41 | 8.011 |
| Trạng thái thanh khoản của thang đáo hạn | = A-B | (3.161) | (3.860) | 1.788 | (104) | (1.065) | 520 | 1.873 | (6.871) |

Về cơ bản, WTB duy trì khả năng thanh khoản trong ngắn hạn (trong vòng 6 tháng tới). Ngân hàng gặp khó khăn về thanh khoản trong trung và dài hạn nếu không có những điều chỉnh về cơ cấu nguồn và tài sản (trên 360 ngày NH mất cân đối thanh khoản trên 6.000 tỷ).

**1.1.2Các mảng hoạt động khác:**

Hệ thống quản trị rủi ro và công nghệ thông tin của WesternBank đã được xây dựng đầy đủ để phục vụ cho hoạt động của một ngân hàng bán lẻ có quy mô nhỏ. Hiện tại, hệ thống công nghệ thông tin đã phục vụ được các hoạt động thanh toán, thẻ tại hệ thống 78 chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn quốc. Tuy nhiên, để phát triển và mở rộng quy mô hoạt động của ngân hàng, hệ thống quản trị rủi ro và công nghệ thông tin của WesternBank cần những cải tiến nhất định để phù hợp với các yêu cầu mới.

## 2. Mục đích – Ý nghĩa của việc hợp nhất

Trong giai đoạn hiện nay, định hướng tái cấu trúc hệ thống ngân hàng là hết sức đúng đắn. Các ngân hàng yếu kém bắt buộc phải tái cấu trúc, phải hợp nhất-sáp nhập với TCTD tốt hơn đảm bảo sự lành mạnh cho hệ thống. Việc hợp nhất PVFC và WesternBank có ý nghĩa quan trọng đối với cả hai TCTD và nhằm mục đích giải quyết các tồn tại đồng thời tạo tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ của TCTD hợp nhất. Những ý nghĩa cơ bản của việc hợp nhất bao gồm:

1. *Đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành.*
2. *Giải quyết được tồn tại của Western Bank.*
3. *Nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động, sức cạnh tranh cho PVFC;*
4. *Giảm được phần vốn góp của PVN tại PVFC*
5. *Tác động tích cực tới hệ thống ngân hàng tại Việt Nam, giảm đối tượng phải quản lý của cơ quan quản lý nhà nước;*
6. *Tạo ra một Ngân Ngân hàng thương mại lành mạnh, quy mô lớn, phục vụ cho phát triển kinh tế, phù hợp với chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước.*

## 3.Quyền lợi, nghĩa vụ của các TCTD tham gia hợp nhất

## *3.1 Nguyên tắc hợp nhất*

* Phương thức hợp nhất vốn: Theo những điều khoản của Hợp đồng hợp nhất, giá trị sổ sách của PVFC và giá trị sổ sách của WesternBank sẽ được chuyển giao cho Ngân hàng HỢP NHẤT và vốn điều lệ của Ngân hàng HỢP NHẤT sẽ bằng vốn điều lệ của PVFC cộng với vốn điều lệ của WesternBank.
* Nghiêm cấm việc phân tán tài sản dưới mọi hình thức.
* Các bên cam kết không thực hiện việc chia tách cổ phiếu, chia cổ tức bằng cổ phiếu hay làm tăng hay giảm số cổ phiếu và/ hoặc pha loãng giá trị sổ sách cổ phiếu đang lưu hành dưới bất kỳ hình thức nào.
* Ngân hàng sau hợp nhất sẽ tiếp nhận và thực thi các quyền của chủ sở hữu đối với toàn bộ tài sản, thương hiệu, hình ảnh, tên gọi, mã chứng khoán, các tài sản sở hữu trí tuệ khác; chịu trách nhiệm về tất cả các khoản nợ, các khoản thuế, nghĩa vụ tài chính; tiếp nhận toàn bộ các quyền và nghĩa vụ đối với các giao dịch dân sự, kinh tế thương mại, lao động do các bên đã xác lập trước đó.
* Ngân hàng sau hợp nhất sẽ sử dụng tất cả CBNV hiện tại của PVFC và WesternBank vào ngày hợp nhất và Ngân hàng HỢP NHẤT sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng lao động mà đã được ký trước đây bởi và giữa PVFC và WesternBank và những CBNV đó; những CBNV này sẽ không phải chịu bất kỳ sự thay đổi nào về điều kiện làm việc hoặc về mặt lợi ích theo như mức độ cho phép của Pháp luật.
* Ngân hàng sau hợp nhất sẽ có nghĩa vụ phải đảm nhận thực hiện tất cả những hành động hoặc những báo cáo của PVFC, WesternBank cho một cá nhân hay tổ chức nào đó.
* Ngân hàng sau hợp nhất sẽ có nghĩa vụ phải đảm nhận tất cả những trách nhiệm đối với những hợp đồng/thỏa thuận mà PVFC, WesternBank là một bên trong đó - những hợp đồng mà vẫn còn tiếp tục có hiệu lực sau ngày hợp nhất.
* Để đảm bảo cho sự thống nhất điều hành vì sự phát triển ổn định và lành mạnh của Ngân hàng sau hợp nhất, vì lợi ích chung của các cổ đông, Nhóm cổ đông đại diện trên 30% vốn của Ngân hàng (có thể thông qua việc uỷ quyền cổ đông) có quyền đề cử đại diện tối thiểu 3 thành viên trong Hội đồng quản trị của Ngân hàng đồng thời có quyền giới thiệu và đề cử ít nhất một người làm Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc Ngân hàng mới. Những giới thiệu, đề cử của nhóm cổ đông đại diện trên 30% vốn điều lệ của Ngân hàng mới phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trường hợp khác sẽ phải tiến hành lại đại hội đồng cổ đông theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Trong trường hợp đại diện cho những nhóm cổ đông nắm giữ trên 30% vốn điều lệ của Ngân hàng mới không thống nhất được các phương án, chiến lược điều hành ngân hàng thì bên nắm giữ số lượng cổ phần ít hơn có quyền thoái vốn và bên còn lại có trách nhiệm mua lại.
* Trong trường hợp nhóm cổ đông sở hữu trên 30% cổ phần muốn thoái vốn thì phải có sự đồng thuận của nhóm cổ đông khác đại diện cho tối tối thiểu 30% cổ phần. Trong trường hợp không có sự đồng thuận, nhóm cổ đông muốn thoái vốn phải ưu tiên chuyển nhượng cho nhóm cổ đông còn lại.
* Đối với bất kỳ tài sản liên quan nào mà được không yêu cầu đăng ký theo pháp luật, việc chuyển giao quyền sở hữu của những tài sản đó sẽ được hiểu là thực hiện thành công vào thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp phép.
* Đối với việc hợp nhất, ngoại trừ xảy ra những sự cố bất khả kháng hai bên cam kết không đơn phương hủy bỏ. (Do PVFC là bên thực hiện tái cấu trúc cổ đông của WesternBank nên những cổ đông mới được chọn chính là nhóm cổ đông cam kết gắn bó với Ngân hàng để cùng phát triển).
* Đại hội đồng cổ đông của PVFC, WesternBank thông qua quyết định về việc hợp nhất theo điều kiện, thể thức họp và biểu quyết theo quy định của pháp luật hiện hành.
* Quá trình hợp nhất sẽ không ảnh hưởng đến lộ trình giảm vốn của PVN tại PVFC. Đồng thời, quá trình này cũng không làm ảnh hưởng đến giá trị vốn góp cũng như vốn ủy thác đầu tư, cho vay của PVN tại PVFC.

## *3.2 Quyền và nghĩa vụ các bên tham gia hợp nhất*

* Các bên tham gia cần hỗ trợ hết mình để đạt được những chấp thuận và giấy chứng nhận sửa đổi từ các cơ quan chức năng có thẩm quyền cho phép việc hợp nhất.
* Các bên tham gia hợp nhất sẽ cam kết hỗ trợ các biện pháp hợp lý để TCTD mới hoạt động ổn định.
* Trong quá trình thực hiện hợp nhất, các bên có trách nhiệm đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi của khách hàng, đặc biệt quyền lợi của cá nhân/tổ chức gửi tiền tại PVFC và WesternBank.
* Cả PVFC và WesternBank sẽ có nghĩa vụ xin chấp thuận của các cổ đông về việc hợp nhất của hai bên thành Ngân hàng HỢP NHẤT.
* Đối với các tài sản liên quan mà được yêu cầu phải đăng ký theo Luật, PVFC và WesternBank phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển quyền sở hữu của những tài sản này từ PVFC và WesternBank sang Ngân hàng HỢP NHẤT trên cơ sở giá trị sổ sách trong vòng 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng HỢP NHẤT nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
* Mỗi bên sẽ phải chịu chi phí của mình phát sinh liên quan đến việc hợp nhất, bao gồm những chi phí của mỗi bên trả cho bộ phận kế toán/kiểm toán và tư vấn tài chính của mình.

## 4. Cách thức thực hiện hợp nhất

Song song với quá trình hoàn thiện thủ tục hợp nhất, Ngân hàng HN có chủ trương tái cơ cấu một cách toàn diện các tài sản của WTB nhằm để nâng cao khả năng sinh lời của các tài sản này và hạn chế rủi ro cho NH HN.

**4.1 Tóm tắt tình hình tài chính của WTB trước khi tái cấu trúc:**

Một số điểm đáng lưu ý về tình hình tài chính của WTB trước khi tiến hành các biện pháp xử lý tài chính:

* Tiền gửi liên ngân hàng có 1.118 tỷ đã quá hạn tại 4 ngân hàng: Đệ Nhất, Sài Gòn, Việt Nam Tín Nghĩa. Đại Tín và phải trích lập dự phòng 50%, tương đương 559 tỷ đồng.
* Dư nợ tín dụng có nhiều khoản nằm dưới dạng ủy thác đầu tư và đặt cọc môi giới chứng khoán. Các khoản nợ cũng được Thanh tra NHNN đánh giá phân nhóm lại và trích lập dự phòng bổ sung, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm nợ** | **Tín dụng KH cổ đông** | **UTĐT và Đặt cọc môi giới CK** | **TD KH khác** | **Số dư tại 29/02/2012** | **Tỷ lệ** | **Tổng trích lập** | **Trong đó** | |
| **Trích lập tín dụng** | **Trích lập UTĐT** |
| 1 | 1.430 | 800 | 2.055 | 4.285 | 55,93% | - | - | - |
| 2 | 1.178 | 540 | 32 | 1.750 | 22,84% | 20,99 | 9,57 | 11,42 |
| 3 | 110 | 470 | 13 | 593 | 7,74% | 97,86 | 3,86 | 94,00 |
| 4 | 901 | 108 | 13 | 1.021 | 13,33% | 116,22 | 62,45 | 53,77 |
| 5 | - | - | 12 | 12 | 0,16% | - | - | - |
| 3-5 | 1.011 | 578 | 38 | 1.627 | 21,23% | 214 | 66,32 | 147,77 |
| **Tổng cộng** | **3.620** | **1.918** | **2.125** | **7.662** | **100,00%** | **235,07** | **75,88** | **159,19** |

* Khoản đầu tư vào trái phiếu 1.800 tỷ chưa có tài sản đảm bảo. Khoản đầu tư vào cổ phiếu KBC phải trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán xấp xỉ 88 tỷ đồng.
* Trong mục lãi dự thu có gần 51 tỷ dự thu lãi cho các khoản tiền gửi tại 4 ngân hàng: Đệ Nhất, Sài Gòn, Việt Nam Tín Nghĩa, Đại Tín. Khoản lãi dự thu này phải xuất toán khỏi mục phải thu của WTB.
* Vốn chủ sở hữu sau khi điều chỉnh số liệu trích lập dự phòng bổ sung giảm xuống còn 2.310 tỷ đồng, thiếu 690 tỷ đồng so với mức vốn điều lệ tối thiểu mà NHNN quy định.
* WTB Ngân hàng gặp khó khăn về thanh khoản trong trung và dài hạn nếu không có những điều chỉnh về cơ cấu nguồn và tài sản.

**4.2 Nội dung các biện pháp xử lý tài chính được tiến hành:**

* Xử lý các điều chỉnh theo Kết luận Thanh tra:

Đối với khoản tiền gửi liên ngân hàng quá hạn (1.118 tỷ đồng) cần trích lập dự phòng số tiền là 559 tỷ đồng theo Kết luận Thanh tra, PVFC và WTB sẽ thực hiện hạch toán vào báo cáo tài chính tại thời điểm hợp nhất theo chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Đối với điều chỉnh khác theo Kết luận thanh tra liên quan đến trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bổ sung (235 tỷ), dự phòng giảm giá đầu tư (88 tỷ) và thoái lãi dự thu (51 tỷ), Ngân hàng sẽ hạch toán đúng theo Kết luận Thanh tra.

Về bản chất, khoản đầu tư dài hạn vào 4 triệu cổ phiếu KBC được nhóm cổ đông liên quan cam kết mua lại, vì vậy khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (88 tỷ đồng) sẽ được hoàn nhập ngay khi giao dịch này được thực hiện. Đồng thời, khi thực hiện xử lý tài chính như phần dưới đây, khoản trích lập dự phòng tín dụng giảm xuống còn 0,42 tỷ đồng;

Chính vì vậy, các bước xử lý tài chính dưới đây góp phần đáng kể vào việc thực hiện triệt để các Kết luận của Thanh tra NHNN.

* Tái cơ cấu cổ đông: Nhóm cổ đông chiếm tỷ lệ 90%, ứng với số vốn điều lệ 2.700 tỷ, sẽ thực hiện bán toàn bộ cổ phần cho nhóm cổ đông mới theo mức giá bằng mệnh giá. Số tiền thu được sẽ được sử dụng để tất toán các khoản nợ liên quan và bổ sung vào nguồn trả nợ cho nhóm cổ đông này.
* Cơ cấu lại tài sản:
* Các khoản mục tiền gửi và cho vay các TCTD khác có cùng giá trị và kỳ hạn chỉ nhằm mục đích tăng tổng tài sản sẽ được hạch toán lại để phản ánh đúng thực tế hiện trạng tài sản của WTB.
* Với việc cơ cấu lại cổ đông tại WTB (Chương 5), nhóm cổ đông nắm cổ phần chi phối tại WTB hiện nay sẽ chuyển nhượng số cổ phiếu đang nắm giữ cho nhóm cổ đông mới và thu được khoản tiền khoảng 2.700 tỷ đồng. Nhóm cổ đông mới sẽ phải chứng minh năng lực tài chính bằng cách đưa ra các bằng chứng về việc sở hữu sổ tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi hoặc số dư tiền gửi tại ngân hàng đủ để thực hiện giao dịch mua bán cổ phần. Số tiền này sẽ được sử dụng để thanh toán nợ cho các khoản nợ mà các khách hàng có liên quan, trực tiếp và gián tiếp, đang vay tại WTB.
* Các hạng mục đầu tư dài hạn, đầu tư trái phiếu hoặc đầu tư vào tài sản cố định trước mắt sẽ được củng cố về chất lượng hồ sơ pháp lý và tài sản đảm bảo. Sau đó, các hạng mục này sẽ được chuyển giao lại cho các bên liên quan trong vòng 18-36 tháng kể từ thời điểm hợp nhất.
* Kết quả:
  + Tiền gửi liên ngân hàng có số dư giảm xuống còn: 1.758 tỷ đồng
  + Dư nợ tín dụng giảm từ 5.743,81xuống còn: 4.556,52 tỷ đồng;
  + Giá trị đặt cọc môi giới chứng khoán và ủy thác đầu tư giảm từ 1.918 tỷ đồng còn: 470 tỷ VNĐ.
  + Dư nợ tín dụng và ủy thác đầu tư có chất lượng được cải thiện với giá trị trích lập dự phòng bổ sung rủi ro tín dụng và ủy thác đầu tư giảm từ 235 tỷ đồng xuống còn 420 triệu VNĐ.
* Tái cấu trúc lại kỳ hạn các khoản nợ:
* Rà soát lại nguồn trả nợ và đánh giá khả năng trả nợ của các khoản vay
* Phân tích chu kỳ kinh doanh của doanh nghiệp và xây dựng lịch trả nợ hợp lý
* Phân loại lại nợ tuân thủ Quyết định 780/QĐ-NHNN ngày 23/4/2012.
* Kết quả: Các khoản nợ sẽ được cơ cấu lại với lịch trả nợ phù hợp hơn với bản chất nguồn thu của khách hàng, tuân thủ đúng quy định của pháp luật liên quan.
* Bổ sung và hoàn thiện hồ sơ tài sản đảm bảo:
* Thực hiện lưu ký số cổ phiếu SQC đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo để hoàn thiện hồ sơ pháp lý của TSĐB cho phù hợp với quy định hiện hành. Trong trường hợp cần thiết, các bên sẽ xem xét thay thế bằng tài sản đảm bảo khác tốt hơn.
* Hoàn thiện hồ sơ tài sản đảm bảo của những khoản nợ khác theo đúng quy định. Đồng thời hai bên sẽ tính toán lại tỷ lệ giữa tổng giá trị tài sản đảm bảo trên số dư nợ còn lại của nhóm cổ đông. (Thông tin về các tài sản đảm bảo được chi tiết tại Phụ lục 12)
* Việc bổ sung tài sản đảm bảo cho các khoản nợ hiện tại của WTB được gắn liền với việc tái cơ cấu cổ đông như phân tích ở trên. Theo đó, các cổ đông hiện hữu cùng các bên vay có liên quan cam kết thế chấp toàn bộ dự án Tràng Cát tại Hải phòng, bao gồm giá trị đền bù, tài sản hiện hữu và tài sản hình thành tương lai từ dự án để đảm bảo cho các khoản nợ hiện tại tại WTB.

**4.3 Kết quả tổng thể sau khi tiến hành các biện pháp tái cấu trúc tài chính:**

Sau khi thực hiện các biện pháp tái cấu trúc tài chính, tình hình tài chính của WTB về cơ bản đã được cải thiện rõ rệt, cụ thể:

* Tiền gửi liên ngân hàng quá hạn sẽ được dần bổ sung tài sản đảm bảo từ các ngân hàng liên quan đang có tiền gửi quá hạn hoặc từ chính các cổ đông cũ của WTB. Khi tài sản đảm bảo được bổ sung, giá trị trích lập dự phòng dự kiến 559 tỷ đồng sẽ giảm dần tương ứng.
* 2.635 tỷ nợ được thu hồi làm giảm dư nợ tín dụng và ủy thác đầu tư từ 7.662 tỷ xuống còn 5.027 tỷ đồng. Các biện pháp bổ sung tài sản đảm bảo cũng như cơ cấu lại nợ giúp cải thiện chất lượng dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 0,66% trong khi giá trị trích lập dự phòng tín dụng bổ sung chỉ còn 0,42 tỷ đồng.
* Các khoản tín dụng và đầu tư được bổ sung tài sản đảm bảo đầy đủ.
* Vốn chủ sở hữu tăng từ 2.310 tỷ đồng lên 2.699 tỷ đồng, giá trị này sẽ tiếp tục tăng lên khi giá trị trích lập dự phòng tiền gửi liên ngân hàng giảm xuống và khoản đầu tư vào cổ phiếu KBC được các cổ đông cũ mua lại. Nhờ vậy, vốn chủ sở hữu của WTB sau khi tái cơ cấu tài chính sẽ đảm bảo đạt mức vốn điều lệ tối thiểu như NHNN quy định.
* Khả năng thanh khoản của WTB được cải thiện rõ rệt với lượng tiền mặt tăng mạnh và vốn chủ sở hữu cũng tăng lên.

**Tóm tắt các biến động tình hình tài chính WTB sau quá trình tái cơ cấu tài chính**

Đơn vị: Tỷ đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Chỉ tiêu* | *Giá trị trước xử lý*  (theo kết luận Thanh tra NHNN)  *Tỷ đồng* | *Giá trị được xử lý*  *Tỷ đồng* | *Giá trị sau khi xử lý*  *Tỷ đồng* |
| Tổng dự phòng cho vay liên NH | (559) | 0 | (559) |
| Dự phòng rủi ro tín dụng và ủy thác đầu tư | (269) | 268,58 | (0,42) |
| Số dư cho vay khách hàng | 5.744 | *(1.187)* | 4.557 |
| Số dư ủy thác đầu tư | 1.918 | *(1.448)* | 470 |
| Số dư tiền mặt | 110 | 2.755 | 2.865 |
| Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 3.258,24 | *(1.500)* | 1.758,24 |
| Tiền gửi và vay các TCTD khác | 3.292,96 | *(1.500)* | 1.792,96 |
| **Tổng tài sản** | **15.667** | ***(1.111)*** | **14.556** |
| **Lỗ lũy kế** | ***(761)*** | **419** | ***(342)*** |
| **Vốn chủ sỡ hữu ròng** | **2.310** | **389** | **2.699** |

## 5. Lộ trình hợp nhất

| **Lộ trình** | **Thời gian** |
| --- | --- |
| * 1. Xin chấp thuận chủ trương về phương án thực hiện từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (cổ đông sáng lập) và NHNNVN. | Tháng 4/2012 |
| * 1. PVFC, WesternBankký thoả thuận nguyên tắc về việc chuyển nhượng cổ phần và tái cấu trúc ngân hàng nhằm tiến tới hợp nhất:   *PVFC trực tiếp hỗ trợ toàn diện việc tái cấu cấu bao gồm: tái cấu trúc nguồn vốn, tái cấu trúc về tài sản, và tái cấu trúc về cổ đông.*  *PVFC có thể thực hiện hỗ trợ thanh khoản, nếu cần thiết.* | Tháng 5/2012 |
| * 1. PVFC và WesternBank thực hiện Thẩm định chi tiết (DD) và ký thỏa thuận sơ bộ.   *- Xin PVN phê duyệt kế hoạch kiểm toán và thuê tư vấn.*  *- Kiểm toán, soạn thảo tài liệu pháp lý, đánh giá danh mục tài sản.*  *- Báo cáo PVN kết quả kiểm toán, hồ sơ pháp lý.* | Tháng 5/2012 |
| * 1. WesternBank thực hiện tái cấu trúc. | Tháng 7/2012 |
| * 1. Lập đề án hợp nhất sơ bộ báo cáo Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Nhà nước, Thủ tướng Chính phủ. | Tháng 7-8/2012 |
| * 1. Ký hợp đồng mua bán, chuyển nhượng và báo cáo Tập đoàn về kết quả ký kết hợp đồng. | Tháng 8-9/2012 |
| * 1. PVFC và WesternBank lập hồ sơ hợp nhất chi tiết trình các cơ quan có thẩm quyền. | Hết tháng 10/2012 |
| * 1. Lập hồ sơ hợp nhất trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam gồm: Đề án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Dự thảo điều lệ của Ngân hàng mới   *Đề án phải được Chủ tịch PVFC, WesternBank cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm đối với nội dung đề án hợp nhất* | Hết tháng 11/2012 |
| * 1. HĐQT PVFC, HĐQT WesternBank thông qua chủ trương hợp nhất với ĐHĐCĐ.   *ĐHĐCĐ giao HĐQT thực hiện xin NHNN chấp thuận nguyên tắc việc hợp nhất và triển khai thực hiện.* | 10 ngày sau khi có chấp thuận của PVN |
| * 1. PVFC và WesternBank phối hợp hoàn thiện hồ sơ hợp nhất (Đề án hợp nhất, Hợp đồng hợp nhất và Điều lệ của Ngân hàng mới) trình NHNN   *(lập 05 bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều 15, Thông tư 04 gửi NHNN (Cơ quan thanh tra giám sát NHNN)*  *Đề án phải được Chủ tịch PVFC, WesternBank cùng ký tên, đóng dấu và chịu trách nhiệm đối với nội dung đề án hợp nhất* | 5 ngày sau khi có chấp thuận của ĐHĐCĐ |
| * 1. NHNN chấp thuận nguyên tắc việc hợp nhất của PVFC và WesternBank | 35 ngày làm việc sau khi NHNN nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, điều 15, Thông tư 04. |
| * 1. PVFC và WesternBank phối hợp lập hồ sơ theo quy định tại khoản 2 điều 15 Thông tư 04 gửi NHNN (Cơ quan thanh tra giám sát NHNN) xem xét chấp thuận | 90 ngày kể từ ngày Thống đốc ký văn bản chấp thuận nguyên tắc đề nghị hợp nhất. |
| * 1. NHNN có chấp thuận chính thức | 15 ngày làm việc kể từ ngày NHNN nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 điều 15 Thông tư 04 |
| * 1. PVFC và WesternBank hoàn tất các thủ tục rút Giấy phép thành lập và hoạt động, đăng bố cáo theo quy định của pháp luật có liên quan. | 15 ngày làm việc kể từ ngày quyết định chấp thuận hợp nhất có hiệu lực. |
| * 1. Ngân hàng mới phải hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng bố cáo hợp nhất theo quy định tại Điều 8 Thông tư 04 và tổ chức khai trương hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành |  |

## 6. Ngân hàng Hợp nhất dự kiến và Kế hoạch kinh doanh

## 6.1 Tình hình tài sản Ngân hàng hợp nhất dự kiến

Bảng dưới đây trình bày bảng cân đối kế toán của Ngân hàng khi hợp nhất, sau khi hạch toán đầy đủ các điều chỉnh theo Kết luận Thanh tra và các bút toán xử lý tài chính của WTB như sau:

Đơn vị: Tỷ đồng

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **PVFC** | **WTB** | **NH Hợp nhất** |
| **A** | **TÀI SẢN** |  |  |  |
| I | Tiền mặt | 5,29 | 2.864,79 | 2.870,08 |
| II | Tiền gửi tại NHNN VN | 17,61 | 49,29 | 66,89 |
| III | Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 8.322,88 | 1.199,32 | 9.522,21 |
| IV | Chứng khoán kinh doanh | 400,00 | - | 400,00 |
| V | Cho vay khách hàng và ứng trước | 45.397,82 | 4.556,52 | 49.954,33 |
| VI | Chứng khoán đầu tư | 5.414,33 | 2.881,46 | 8.295,79 |
| VII | Góp vốn, đầu tư dài hạn | 3.124,15 | 298,11 | 3.422,27 |
| VIII | Tài sản cố định | 454,49 | 257,09 | 711,57 |
| IX | Tài sản có khác | 27.949,08 | 2.449,37 | 30.398,45 |
|  | **TỔNG TÀI SẢN CÓ** | **91.085,65** | **14.555,95** | **105.641,59** |
| **B** | **NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU** |  |  |  |
| I | Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | - | 72,17 | 72,17 |
| II | Tiền gửi và vay các TCTD khác | 16.492,40 | 1.792,96 | 18.285,37 |
| III | Tiền gửi của khách hàng | 15.657,91 | 9.699,90 | 25.357,81 |
| IV | Các công cụ TC phái sinh và nợ tài chính khác | 18,06 | - | 18,06 |
| V | Vốn tài trợ, UT đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 21.220,27 | 81,95 | 21.302,22 |
| VI | Phát hành các giấy tờ có giá | 3.539,02 | 0,08 | 3.539,10 |
| VII | Các khoản nợ khác (\*) | 27.110,61 | 209,72 | 27.910,21 |
|  | **TỔNG NỢ PHẢI TRẢ** | **84.038,27** | **11.856,78** | **96.484,94** |
| VIII | Vốn và các quỹ |  |  |  |
| 1 | Vốn của TCTD | 6.055,60 | 2.993,43 | 9.049,04 |
|  | *Vốn điều lệ* | 6.000,00 | 3.000,00 | 9.000,00 |
|  | *Thặng dư vốn cổ phần* | 55,60 | 2,00 | 57,60 |
|  | *Cổ phiếu quỹ* | - | (8,57) | (8,57) |
| 2 | Quỹ TCTD | 407,45 | 47,32 | 454,77 |
| 3 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | (5,56) | - | (5,56) |
| 4 | Lợi nhuận chưa phân phối (\*\*) | 589,89 | (341,59) | (341,59) |
|  | **TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **7.047,38** | **2.699,16** | **9.156,65** |
|  | **TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU** | **91.085,65** | **14.555,95** | **105.641,59** |

(\*): Lợi nhuận giữ lại năm 2011 và lợi nhuận có thể chứng minh được trước thời điểm hợp nhất của PVFC được chia cho các cổ đông hiện hữu.

(\*\*) Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2012 dự thu là: 120 tỷ đồng, đã được cộng vào để giảm lỗ lũy kế của WTB trước hợp nhất. Khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (88 tỷ đồng) vẫn được tạm trích lập theo Kết luận của Thanh tra NHNN, tuy nhiên khoản đầu tư dài hạn này dự kiến được nhóm cổ đông liên quan cam kết mua lại nên ngay khi giao dịch được thực hiện, khoản trích lập này sẽ được hoàn nhập

## 6.2Phương án kinh doanh 3 năm sau hợp nhất

## *6.2.1 Kế hoạch kinh doanh sau hợp nhất*

* ***Mục tiêu:***

“Là một trong năm ngân hàng có chỉ số an toàn tốt nhất Việt Nam trước năm 2015”.

* ***Kế hoạch hành động***

Giai đoạn 1 (2012-2013): Ổn định và nâng cao năng lực của Ngân hàng đồng thời tăng cường khả năng quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ, thực hiện đầy đủ chức năng Ngân hàng thương mại.

Trong giai đoạn này Ngân hàng mới tập trung cơ cấu lại Tài sản và Nguồn vốn theo hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư và góp vốn dài hạn, đặc biệt là các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn, đồng thời nâng dần tỷ trọng cho vay khách hàng. Mở rộng mạng lưới kinh doanh ở mức tối đa cho phép. Xây dựng và hoàn thiện các hoạt động như: nghiệp vụ thanh toán, hoạt động kinh doanh thẻ, đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng đầu tư.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng chiến lươc kinh doanh cho mảng ngân hàng bán lẻ để phát triển thị trường này dựa trên cở sở hạ tầng của WTB.

Giai đoạn 2 (2014-2015): Trở thành 1 trong 18 NHTMCP hàng đầu Việt Nam, đứng đầu về cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng của khu vực, ngân hàng có khoảng 250 điểm giao dịch.

Giai đoạn này song song với việc tái cơ cấu nâng cao chất lượng tài sản, Ngân hàng mới sẽ đẩy mạnh các hoạt động quảng bá thương hiệu, thu hút nguồn tiền gửi từ dân cư và các tổ chức kinh tế để đến năm 2015, tỷ trọng tiền gửi từ khách hàng đạt 50% (so với mức 22% năm 2012); Mở rộng và nâng cao các dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là các dịch vụ của Ngân hàng đầu tư để nâng dần tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ. Tổng tài sản đến năm 2015 đạt khoảng 235 nghìn tỷ đồng với hiệu suất sinh lời trên tổng tài sản xấp xỉ 1%.

* ***Khách hàng mục tiêu***

Giai đoạn 1 (2012-2013): Các tổ chức kinh tế trong lĩnh vực khoáng sản, năng lượng; PVN và các đơn vị thành viên của PVN, đối tác của các đơn vị thành viên PVN; các cá nhân trong ngành Dầu khí và các khách hàng truyền thống của WTB cũ.

Giai đoạn 2 (2014-2015): Các doanh nghiệp và cá nhân trong nước và trong khu vực, đặt trọng tâm và thế mạnh trong ngành năng lượng, dầu khí.

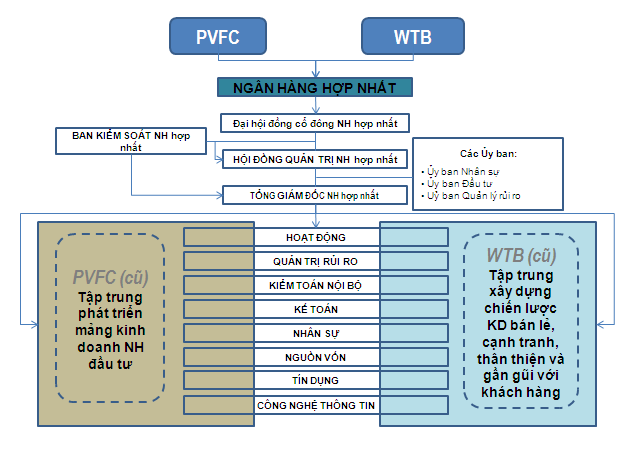
* ***Mở rộng mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch và mạng lưới quốc tế***

Sau khi hợp nhất, Ngân hàng hợp nhất sẽ kế thừa toàn bộ Chi nhánh và Phòng Giao dịch của PVFC và WesternBank.

Ngân hàng hợp nhất cũng có kế hoạch mở rộng mạng lưới chi nhánh ngay trong những giai đoạn đầu sau hợp nhất vì mạng lưới chi nhánh sau hợp nhất vẫn chưa cạnh tranh, cân nhắc tới những yếu tố địa lý và tình hình kinh tế Việt Nam cũng nhý chiến lýợc phát triển của ngành Dầu khí trong týõng lai.

Xem xét và mở rộng mạng lưới chi nhánh tại các quốc gia mà PVN, doanh nghiệp khác trong lĩnh vực năng lượng có đầu tư tài chính như Lào, Camphuchia, Nga, Venezuela…vv để hỗ trợ tài chính và thực hiện các dịch vụ thanh toán cho khách hàng

* ***Triển khai kế hoạch kế hoạch kinh doanh sau hợp nhất:***



Ban Lãnh đạo hai TCTD xây dựng kế hoạch hợp nhất và kế hoạch kinh doanh dựa trên nền tảng, vốn là thế mạnh của hai TCTD như sau:

* + Mảng ngân hàng đầu tư; và
  + Mảng ngân hàng bán lẻ.

Đối với mảng Ngân hàng đầu tư:

* Xác định đầu tư vào các ngành năng lượng mũi nhọn;
* Đầu tư các dự án năng lượng có tính khả thi cao, có tính chất tương tự, đã được chứng minh sự thành công ở các quốc gia khác;
* Khai thác các khách hàng là các đối tác của các dự án vay và đầu tư của Ngân hàng, các khách hàng, cổ đông lớn như PVN.
* Mở rộng đầu tư ra nước ngoài theo các dự án của PVN và các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực năng lượng.
* Phát triển mảng quản lý tài chính; quản lý dự án, M&A cho các khách hàng trong lĩnh vực năng lượng.

Đối với mảng ngân hàng bán lẻ

* Phát triển mạng lưới bán lẻ;
* Áp dụng các kỹ thuật và công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bán lẻ;
* Tập trung vào đối tượng khách hàng là cán bộ công nhân viên của PVN và các tập đoàn năng lượng khác là khách hàng của Ngân hàng hợp nhất;
* Phát triển các sản phẩm thân thiện, gần gũi với giới trẻ và trung niên;
* Cạnh tranh và thực hiện bán chéo các sản phẩm thông qua công ty chứng khoán, quản lý quỹ;
* Tiếp cận số lượng khách hàng là CB CNV của các tập đoàn năng lượng như PVN. Ví dụ riêng số lượng khách hàng của PVN đã là hơn 45.000 nhân viên. Đây sẽ là nhưng khách hàng rất tiềm năng của Ngân hàng hợp nhất trong lĩnh vực bán lẻ.

**6.2.2 Kế hoạch tài chính 3 năm sau hợp nhất**

**6.2.2.1Cơ sở xây dựng Báo cáo tài chính dự kiến cho năm 2012-2015**

Việc hợp nhất sẽ mang lại những điều kiện thuận lợi mà mỗi doanh nghiệp riêng lẻ khó có thể đạt được. Tuy nhiên, hợp nhất chỉ mới là bước đầu tiên. Mục tiêu cao nhất của việc hợp nhất là phải xây dựng một tổ chức tín dụng phát triển bền vững. Để đạt mục tiêu này, ngân hàng hợp nhất phải xây dựng và triển khai một kế hoạch hành động nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của các bên và từng bước khắc phục các tồn tại, hạn chế của các TCTD khi còn hoạt động riêng lẻ.

Báo cáo tài chính dự kiến cho ba năm đầu hoạt động của Ngân hàng sau hợp nhất được trình bày dựa trên các cơ sở sau:

* Theo kế hoạch, số vốn điều lệ 9.000 tỷ sẽ được duy trì trong 3 năm 2012, 2013, 2014 và sẽ được tiếp tục tăng lên 12.000 tỷ trong năm 2015 để đảm bảo sự phát triển liên tục và đạt tỷ lệ an toàn vốn tối ưu. Với quy mô vốn như vậy, các thông tin tài chính của các Ngân hàng có phạm vi hoạt động và khách hàng tương tự cũng như một số các tiêu chuẩn của ngành và các thông lệ tốt nhất đã được tham khảo để làm cơ sở cho báo cáo tài chính dự kiến cho giai đoạn 2012 – 2015.
* Các ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong những năm gần đây và dự đoán xu hướng phát triển của lĩnh vực ngân hàng cũng được chú ý tới, bao gồm những dự đoán về một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| Tỷ lệ lạm phát ước tính (%) | 13% | 11% | 10% | 9% |
| Tỷ lệ tăng trưởng GDP hàng năm ước tính (%) | 6.5% | 7% | 7.5% | 7.5% |
| Lãi suất cơ bản ước tính (% p.a.) | 12% | 10% | 8% | 8% |

Các chỉ số này không được sử dụng trong các tính toán mà được dùng để đối chiếu và đánh giá mức độ hợp lý của hiệu suất đầu tư kỳ vọng cũng như của các giả định về lãi suất huy động và cho vay.

Các báo cáo tài chính dự kiến được trình bày dưới đây.

**6.2.2.3 Bảng cân đối kế toán**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **2012** | | **2013** | **2014** | **2015** |
| **A** | **TÀI SẢN** |  | |  |  |  |
| I | Tiền mặt | 1.955 | | 2.083 | 2.113 | 2.375 |
| II | Tiền gửi tại NHNNVN | 355 | | 532 | 710 | 994 |
| III | Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 26.391 | | 31.669 | 42.003 | 51.504 |
| IV | Chứng khoán kinh doanh | 234 | | 246 | 263 | 289 |
| V | Cho vay khách hàng và ứng trước | 71.705 | | 86.046 | 103.256 | 128.070 |
| VI | Chứng khoán đầu tư | 19.793 | | 23.752 | 28.502 | 35.628 |
| VII | Góp vốn. đầu tư dài hạn | 3.544 | | 2.724 | 1.418 | 1.347 |
| VIII | Tài sản cố định | 742 | | 1.113 | 1.224 | 1.286 |
| IX | Tài sản Có khác | 7.871 | | 10.680 | 10.739 | 14.027 |
|  | **TỔNG TÀI SẢN CÓ** | **132.590** | | **158.845** | **190.228** | **235.520** |
| **B** | **NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU** |  | |  |  |  |
| I | Các khoản nợ Chính phủ và NHNN | 1.200 | | 1.200 | 1.200 | 1.200 |
| II | Tiền gửi và vay các TCTD khác | 28.772 | | 35.816 | 42.157 | 47.589 |
| III | Tiền gửi của khách hàng | 35.501 | | 53.201 | 70.120 | 96.214 |
| IV | Các công cụ TC phái sinh và nợ tài chính khác | 19 | | 16 | 14 | 12 |
| V | Vốn tài trợ, UT đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro | 37.337 | | 35.470 | 33.697 | 32.012 |
| VI | Phát hành giấy tờ có giá | 5.309 | | 7.963 | 11.944 | 17.917 |
| VII | Các khoản nợ khác | 14.388 | | 14.567 | 19.728 | 25.373 |
|  | **TỔNG NỢ PHẢI TRẢ** | **122.526** | | **148.233** | **178.860** | **220.317** |
| VIII | Vốn và các qũy | 10.064 | | 10.612 | 11.368 | 15.203 |
| 1 | Vốn của TCTD | 9.049 | | 9.049 | 9.049 | 12.349 |
|  | *Vốn điều lệ* | *9.000* | | *9.000* | *9.000* | *12.000* |
| 2 | Quỹ TCTD | **648** | | **915** | **1.243** | **1.692** |
| 3 | Lợi nhuận chưa phân phối | **367** | | **648** | **1.076** | **1.162** |
|  | **TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **132.590** | **158.845** | **190.228** | **235.520** |

**6.2.2.3 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dự kiến cho các năm 2012- 2015**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
|  | Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự | 13.276 | 15.886 | 18.308 | 21.946 |
|  | Chi phí lãi và các chi phí tương tự | -10.637 | -12.976 | -14.569 | -17.284 |
| I | Thu nhập lãi thuần | **2.639** | **2.910** | **3.739** | **4.662** |
| II | Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ | 410 | 489 | 592 | 770 |
| III | Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và đánh giá tỷ giá ngoại tệ. | 177 | 230 | 299 | 389 |
| IV | (Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán | -442 | -309 | -217 | -152 |
| V | Lãi thuần từ hoạt động khác | 511 | 388 | 303 | 284 |
| VI | Thu nhập từ góp vốn. mua cổ phần | 164 | 180 | 207 | 249 |
|  | **Tổng thu nhập hoạt động** | **3.459** | **3.888** | **4.923** | **6.202** |
| VII | **Chi phí hoạt động** | **-1.593** | **-1.750** | **-2.215** | **-2.729** |
| VIII | **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng** | **1.866** | **2.138** | **2.708** | **3.473** |
| IX | Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng | -758 | -293 | -351 | -527 |
| X | **Tổng lợi nhuận trước thuế** | **1.108** | **1.845** | **2.357** | **2.946** |
| XI | Chi phí thuế TNDN | -277 | -461 | -589 | -737 |
| XII | **Lợi nhuận sau thuế TNDN** | **831** | **1.384** | **1.767** | **2.210** |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lợi nhuận để lại đầu kỳ** | **(342)** | **367** | **648** | **1.076** |
| Lợi nhuận thuần trong kỳ | 831 | 1.384 | 1.767 | 2.210 |
| Trích các quỹ | (122) | (203) | (259) | (324) |
| Chia cổ tức | - | (900) | (1.080) | (1.800) |
| **LỢI NHUẬN ĐỂ LẠI CUỐI KỲ** | **367** | **648** | **1.076** | **1.162** |

**6.2.2.4 Các chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu, chỉ tiêu hiệu quả hoạt động**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **2012** | **2013** | **2014** | **2015** |
| 1. Quy mô vốn |  |  |  |  |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | 9.000 | 9.000 | 9.000 | 12.000 |
| Tỷ lệ an toàn vốn CAR | 11,60% | 10,10% | 9,03% | 9,60% |
| 2. Cơ cấu tài sản, huy động |  |  |  |  |
| Nguồn vốn huy động từ thị trường 1/tổng tài sản | 27% | 33% | 37% | 41% |
| Nguồn vốn huy động từ thị trường 2/tổng tài sản | 50% | 45% | 40% | 34% |
| Vốn tự có/tổng tài sản | 7% | 6% | 5% | 5% |
| Tỷ lệ cho vay / Nguồn huy động | 71% | 69% | 71% | 73% |
| Tỷ lệ tài sản gửi liên NH/ Nguồn huy động liên NH | 92% | 88% | 100% | 108% |
| 3. Hiệu quả hoạt động |  |  |  |  |
| ROE | 9,23% | 15,38% | 19,64% | 18,41% |
| ROA | 0,63% | 0,87% | 0,93% | 0,94% |

* Ngân hàng sau hợp nhất vẫn đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn. Tuy nhiên, tỷ lệ này trong các năm 2013 và 2014 tương đối thấp do tăng trưởng tổng tài sản có. Do đó, dự kiến tới 2015 Ngân hàng sẽ tăng vốn để đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn cao.
* ROE của Ngân hàng trong 3 năm sau hợp nhất luôn đạt trên mức trung bình ngành và liên tục tăng.
* Tỷ lệ ROA của Ngân hàng luôn đảm bảo trên mức tiêu chuẩn và ngày càng được cải thiện.
* Theo chiến lược đã đề ra, cơ cấu nguồn huy động từ thị trường 1 sẽ dần chiếm tỷ trọng lớn hơn trong khi huy động từ thị trường 2 được giảm dần nhằm giảm chi phí huy động.

**7. Các Đề xuất – Kiến nghị trong Đề án hợp nhất:**

## CÁC ĐỀ XUẤT VỚI TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVN)

Để đảm bảo cho việc hợp nhất hai tổ chức thành công, PVFC rất mong nhận được sự chỉ đạo hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, PVFC xin đề xuất:

1. Tập đoàn tiếp tục hỗ trợ PVFC giải quyết các khó khăn, tồn tại và chuyển đổi mô hình hoạt động an toàn, hiệu quả phù hợp các Nghị quyết đã được Hội đồng thành viên Tập đoàn phê duyệt.
2. Tập đoàn tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nguồn vốn cho PVFC để đảm bảo tính thanh khoản và hoạt động ổn định của PVFC theo các nội dung Nghị quyết đã được Tập đoàn thông qua. (Thông báo 2204/TB-DKVN ngày 10/9/2010 thông báo kết luận của Chủ tịch Hội đồng thành viên tại cuộc họp Tái cấu trúc PVFC; Nghị quyết số 621/NQ-DKVN ngày 14/3/2011 về việc đổi mới doanh nghiệp và tái cấu trúc Tổng công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam).
3. Tập đoàn chỉ thực hiện giảm vốn theo lộ trình trong điều kiện đảm bảo được sự ổn định và phát triển an toàn của PVFC (và Ngân hàng hợp nhất sau này). Đồng thời việc giảm vốn của Tập đoàn không làm ảnh hưởng đến lợi ích chính đáng của các cổ đông hiện hữu hoặc/và các đối tác chiến lược của Ngân hàng.
4. Để đảm bảo trạng thái an toàn thanh khoản cho tổ chức tín dụng trước khi hợp nhất, kính đề nghị Tập đoàn hỗ trợ trong quá trình làm việc với đối tác và các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền; đồng thời gửi thêm cho PVFC số tiền 7.000 tỷ đồng với kỳ hạn tối thiểu 6 tháng.
5. Tập đoàn ban hành Nghị quyết về việc sử dụng dịch vụ và khuyến khích các doanh nghiệp trong Tập đoàn ưu tiên sử dụng dịch vụ tài chính ngân hàng của PVFC và của Ngân hàng mới sau chuyển đổi. Đồng thời cho phép Ngân hàng mới sau hợp nhất được phép cung cấp dịch vụ tài khoản trung tâm của Tập đoàn và cung cấp dịch vụ quản lý dòng tiền đối với các công ty con thuộc Tập đoàn.

## CÁC ĐỀ XUẤT VỚI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Để đảm bảo cho việc hợp nhất hai tổ chức thành công, PVFC và WTB rất mong nhận được sự chỉ đạo hướng dẫn của Thống đốc NHNN, PVFC và WTB xin đề xuất:

1. Về công tác truyền thông, đề nghị Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ hai tổ chức tín dụng tham gia hợp nhất và Ngân hàng sau hợp nhất trong công tác định hướng dư luận, định hướng thông tin để người dân và khách hàng của Ngân hàng tin tưởng vào sự thành công và phát triển ổn định của tổ chức tín dụng. Đề xuất Ngân hàng nhà nước và lãnh đạo cao cấp của Ngân hàng Nhà nước hỗ trợ truyền thông báo chí, họp báo hoặc bằng các thông báo để định hướng thông tin và ngăn chặn những tác động tiêu cực (nếu có) do phát sinh bởi những thông tin sai lệch từ những kênh thông tin khác.
2. NHNN hỗ trợ cho vay từ nguồn tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại khoảng 30.000 tỷ đồng để hỗ trợ thanh khoản cho Ngân hàng hợp nhất, đồng thời tạo nguồn vốn để Ngân hàng có thể phát triển mảng tài trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các doanh nghiệp xuất khẩu. Lãi suất cho vay từ nguồn tái cấp vồn này thấp hơn lãi suất huy động khoảng 6% để hỗ trợ Ngân hàng hợp nhất bù đắp các chi phí trực tiếp và chi phí cơ hội phát sinh trong quá trình hợp nhất, thời hạn vay khoảng 3-5 năm.
3. Cho phép Ngân hàng hợp nhất được duy trì dự trữ bắt buộc 50% bằng tiền mặt, 50% bằng các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao như trái phiếu chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu Bộ Tài chính. Việc duy trì dự trữ bắt buộc bằng trái phiếu chính phủ cho phép Ngân hàng dùng tiền mặt để đầu tư vào các sản phẩm có tính thanh khoản cao, rủi ro thấp nhằm giúp Ngân hàng sớm khắc phục khoản lỗ phát sinh trước khi tái cơ cấu. Đồng thời cho phép Ngân hàng sau hợp nhất được giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc trong vòng 05 năm kể từ thời điểm hợp nhất, theo đó Ngân hàng Nhà nước cho phép áp dụng tỷ lệ dữ trữ bắt buộc bằng 1/5 so với quy định của Ngân hàng Nhà nước tại từng thời kỳ.
4. Do đặc trưng của PVFC có mạng lưới kinh doanh hạn chế trong khi WesternBank mới chỉ triển khai được mạng lưới bán lẻ ở một số địa phương nên để ngân hàng hợp nhất có thể phát triển bền vững, đề nghị NHNN hỗ trợ cho phép ngân hàng hợp nhất ưu tiên mở rộng mạng lưới bán lẻ: trung bình được mở từ 20-25 chi nhánh/1 năm trong vòng 3 năm kể từ ngày hợp nhất.
5. Về dư nợ đối với Vinashin và Vinalines đề nghị Ngân hàng Nhà nước cho phép không tính vào tỷ lệ nợ xấu của Ngân hàng hợp nhất, đề Ngân hàng Hợp nhất có đủ điều kiện và thời gian tiến hành khắc phục theo lộ trình. Đồng thời đề nghị Ngân hàng Nhà nước không tính chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân cũng như dư nợ của Vinashin và Vinalines trong khi thực hiện xếp loại tổ chức tín dụng và xét duyệt mở chi nhánh.
6. Trình NHNN kiến nghị Bộ Tài chính xem xét chấp thuận cho Ngân hàng hợp nhất được miễn thuế TNDN trong ba năm sau khi hợp nhất và giảm 50% theo mức thuế hiện hành trong hai năm tiếp theo để giúp Ngân hàng hợp nhất tích lũy vốn sau khi tái cơ cấu.
7. Hoạt động của các công ty con sẽ giúp Ngân hàng hợp nhất bán chéo các sản phẩm và thực hiện các nghiệp vụ của Ngân hàng nhằm tăng hiệu quả sinh lời, vì vậy: Đề xuất NHNN cho phép Ngân hàng hợp nhất duy trì hoạt động của công ty con hiện có của 2 TCTD hợp nhất. Đồng thời đề xuất NHNN cho phép Ngân hàng hợp nhất thành lập Công ty con hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm và tiếp nhận Công ty CP Chứng khoán Dầu khí (PSI), Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư tài chính Dầu khí (PVFC Capital) làm công ty con.
8. Đối với khoản trích lập dự phòng của WTB theo Kết luận Thanh tra, đề xuất trích lập số tiền 559 tỷ đồng theo một lộ trình phù hợp nhằm đảm bảo tính ổn định trong hoạt động của Ngân hàng hợp nhất. PVFC và WTB xin phép sẽ được trích lập theo hướng dẫn kế toán hiện hành của NHNN và BTC để đảm bảo tính nhất quán so với các TCTD khác và sẽ tuân thủ quyết định cuối cùng của NHNN về trích lập dự phòng cho khoản mục tiền gửi liên ngân hàng quá hạn này. Đề nghị NHNN hỗ trợ thu hồi khoản tiền gửi quá hạn này.
9. Trong vòng 5 năm sau khi tái cơ cấu, cho phép Ngân hàng được ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ của NHNN và Chính phủ cho các dự án cho vay các doanh nghiệp đặc thù, hộ dân cư, các dự án cho vay nhà ở, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hỗ trợ các doanh nghiệp… trong từng thời kỳ bằng nguồn vốn ưu đãi của Chính phủ, NHNN hoặc của các tổ chức quốc tế giải ngân thông qua Bộ Tài chính, NHNN hoặc các TCTD đầu mối.